



Trước đây Được biết As: Shell Alvania EP(LF) 0

# Shell Gadus S2 V220 0

- Bảo vệ tin cậy
- Đa dụng
- Lithium

*Mỡ bôi trơn chịu cực áp đa dụng chất lượng cao*

Shell Gadus S2 V220 là mỡ cực áp đa dụng chất lượng cao được chế tạo từ dầu khoáng có chỉ số độ nhớt cao và chất làm đặc gốc xà phòng lithium hydroxystreate có chứa phụ gia cực áp và các phụ gia đã được chứng minh để nâng cao hiệu suất trong một loạt các ứng dụng.

Shell Gadus S2 V220 được thiết kế để bôi trơn đa ứng dụng, các ổ trượt và ổ lăn cũng như các khớp bản lề, các bề mặt trượt thường gặp trong công nghiệp và vận tải.

## DESIGNED TO MEET CHALLENGES

### Các Tính năng & Lợi ích

#### ▪ Khả năng chịu tải vượt trội

Shell Gadus S2 V220 có chứa các phụ gia cực áp giúp mỡ có khả năng chịu tải trọng lớn và tải va đập mà lớp màng bôi trơn không bị phá hủy.

#### ▪ Tăng cường độ ổn định cơ học

Đây là đặc tính cực kỳ quan trọng trong môi trường rung động mà các loại mỡ có độ ổn định cơ học kém có thể dẫn đến sự chảy mềm mỡ dẫn đến tổn thất về hiệu quả bôi trơn và rò rỉ.

#### ▪ Chống lại nước rửa trôi tốt

Shell Gadus S2 V220 được pha chế để chống lại nước rửa trôi.

#### ▪ Ổn định oxy hóa

Các thành phần dầu gốc được lựa chọn đặc biệt để có được tính chống oxy hóa tuyệt vời. Độ cứng của mỡ không bị thay đổi trong quá trình bảo quản và mỡ có thể chịu được nhiệt độ cao mà không bị cứng lại hoặc hình thành cặn bám trên ổ đỡ.

#### ▪ Bảo vệ chống ăn mòn

Shell Gadus S2 V220 có ái lực với kim loại và khả năng bảo vệ bề mặt ổ đỡ chống lại ăn mòn, ngay cả khi mỡ bị nhiễm nước.

### Các Ứng dụng chính



**Shell Gadus S2 V220 0 được đặc biệt thiết kế để sử dụng cho:**

- Các vị trí bôi trơn trong nhà máy thép cần loại mỡ mềm cho hệ thống phân phối mỡ chuyên dụng.
- Các ổ trượt và ổ lăn chịu tải nặng vận hành trong điều kiện khắc nghiệt, chịu tải va đập trong môi trường ẩm ướt.

### Các Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chấp thuận & Khuyến nghị

Để có danh mục đầy đủ các Khuyến cáo và Chấp thuận, có thể tham khảo Bộ phận Kỹ thuật Shell.

### Các tính chất vật lý điển hình

| Tính chất                 | Phương pháp | Shell Gadus S2 V220 0 |
|---------------------------|-------------|-----------------------|
| Độ cứng NLGI              |             | 0                     |
| Chất làm đặc              |             | Lithium               |
| Dầu gốc                   |             | Dầu khoáng            |
| Độ nhớt động học @40°C    | cSt         | 220                   |
| Độ nhớt động học @100°C   | cSt         | 19                    |
| Độ xuyên kim @25°C        | 0.1mm       | 355-385               |
| Điểm nhỏ giọt             | °C          | -                     |
| Tải trọng hàn dính bốn bi | Kg Min.     | 250                   |

Các tính chất này đặc trưng cho sản phẩm hiện hành. Những sản phẩm trong tương lai có thể thay đổi chút ít cho phù hợp với quy cách mới của Shell.

## **Sức khỏe, An toàn & Môi trường**

### **▪ Sức khỏe và An toàn**

Shell Gadus S2 V220 không gây bất cứ nguy hại nào đáng kể cho sức khỏe và an toàn khi sử dụng đúng theo khuyến cáo, tuân thủ các tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp và cá nhân.

Tránh tiếp xúc với da. Dùng găng tay không thấm đối với dầu đã qua sử dụng. Nếu tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức bằng xà phòng và nước.

Để có thêm hướng dẫn về sức khỏe và an toàn, tham khảo thêm Bản dữ liệu an toàn sản phẩm Shell tương ứng từ <http://www.epc.shell.com>

### **▪ Các chi tiết bằng cao su của hệ thống thắng thủy lực**

Cần thận trọng để đảm bảo mỡ KHÔNG tiếp xúc với các chi tiết bằng cao su của hệ thống thắng thủy lực.

### **▪ Bảo vệ môi trường**

Tập trung dầu đã qua sử dụng đến điểm thu gom quy định. Không thải ra cống rãnh, mặt đất hay nguồn nước.

## **Thông tin bổ sung**

### **▪ Chu kỳ tái bơm mỡ**

Đối với các ổ đỡ vận hành trong điều kiện gần sát với nhiệt độ vận hành tối đa của mỡ thì tần suất tái bơm mỡ nên được xem xét lại.

### **▪ Nhiệt độ hoạt động**

-20°C đến +120°C

### **▪ Tư vấn**

Tham khảo Đại diện Shell về các ứng dụng không được đề cập tại đây.